

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT TƯ KỸ THUẬT
NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	6 - 9
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 49

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ theo Quyết định số 2500/QĐ-CT.UB ngày 25 tháng 7 năm 2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ (nay là UBND thành phố Cần Thơ). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 7 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10 tháng 6 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bán nông sản (Gạo, tinh bột sắn,...) và cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Bà Bùi Thanh Hương	Thành viên độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Hoài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Trọng Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Phan Minh Sáng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Tường Thị Thu Hạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Đỗ Thế Cao	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021
Ông Phạm Ngọc Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Phạm Thị Thương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Trần Thị Minh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Chu Thanh Quân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2021
Bà Lê Thị Thương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Trang	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ông Chu Thanh Quân – Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Nhóm Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Chu Thanh Quân

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0528/22/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2022, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 23 tháng 8 năm 2021 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 vào ngày 15 tháng 02 năm 2022 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.394.678.736.245	1.014.841.084.931
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	142.900.963.526	20.443.274.413
1. Tiền	111		142.900.963.526	20.443.274.413
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		459.766.237.500	557.558.049.621
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	62.125.000.000	245.781.162.121
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(5.064.762.500)	(4.939.112.500)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	402.706.000.000	316.716.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		700.771.938.114	354.485.944.908
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	675.232.739.574	345.531.596.455
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	26.153.351.113	13.822.595.562
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	34.706.433.393	29.346.877.616
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(35.320.585.966)	(34.215.124.725)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		66.996.038.649	60.504.715.191
1. Hàng tồn kho	141	V.7	69.324.719.608	62.833.396.150
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.10	(2.328.680.959)	(2.328.680.959)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.243.558.456	21.849.100.798
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.899.231.030	2.395.183.987
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		22.265.170.066	19.447.747.747
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	79.157.360	6.169.064
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.221.574.878.046	1.288.640.855.637
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		19.200.000	94.200.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	19.200.000	94.200.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		149.315.648.644	156.764.520.454
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	85.847.550.442	92.338.910.229
<i>Nguyên giá</i>	222		331.641.738.572	325.179.610.071
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(245.794.188.130)	(232.840.699.842)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	63.468.098.202	64.425.610.225
<i>Nguyên giá</i>	228		74.106.775.410	74.106.775.410
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10.638.677.208)	(9.681.165.185)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	71.652.812.923	71.652.812.923
<i>Nguyên giá</i>	231		77.840.355.709	77.840.355.709
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(6.187.542.786)	(6.187.542.786)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.617.616.616	21.894.339.331
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.12	9.695.664.815	10.052.984.654
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	11.921.951.801	11.841.354.677
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		388.043.445.140	415.718.192.514
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	319.711.233.890	323.705.981.264
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	68.332.211.250	92.012.211.250
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		590.926.154.723	622.516.790.415
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	27.899.548.116	27.793.496.129
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14a	276.036.015	279.990.262
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.15	562.750.570.592	594.443.304.024
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.616.253.614.291	2.303.481.940.568

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		288.068.916.165	288.881.279.277
I. Nợ ngắn hạn	310		273.437.041.089	274.343.416.279
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	42.834.798.975	60.480.837.849
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	7.461.915.681	3.956.153.204
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	11.830.898.971	9.327.578.573
4. Phải trả người lao động	314		16.535.665.068	14.759.298.575
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	17.251.894.962	9.801.707.921
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	13.360.218.954	12.270.715.534
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	159.145.964.506	159.276.133.063
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	5.015.683.972	4.470.991.560
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		14.631.875.076	14.537.862.998
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	10.331.412.544	10.320.552.544
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.14b	4.300.462.532	4.217.310.454
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.328.184.698.126	2.014.600.661.291
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	2.328.184.698.126	2.014.600.661.291
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.968.589.250.000	1.476.480.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.968.589.250.000	1.476.480.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.788.854.106	37.132.054.106
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.138.040.571	7.138.040.571
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		127.728.500	127.728.500
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		68.958.959.032	191.549.440.990
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		60.955.618.366	77.198.019.399
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.003.340.666	114.351.421.591
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		246.581.865.917	302.172.557.124
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.616.253.614.291	2.303.481.940.568

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kê toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Tâm

Lê Thị Thương

Chu Thanh Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	587.400.916.548	254.372.956.859
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	7.638.643.041	297.573.976
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		579.762.273.507	254.075.382.883
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	491.993.492.589	214.436.963.392
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		87.768.780.918	39.638.419.491
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	55.500.211.422	224.656.560.069
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	6.079.583.465	101.904.532.219
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.570.822.872	420.862.223
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(3.994.747.374)	(8.890.604.248)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	62.737.345.242	16.387.214.729
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	51.353.345.968	9.724.772.530
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.103.970.291	127.387.855.834
12. Thu nhập khác	31	VI.8	950.769.720	124.093.573
13. Chi phí khác	32	VI.9	215.731.914	9.070.241
14. Lợi nhuận khác	40		735.037.806	115.023.332
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.839.008.097	127.502.879.166
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		11.103.856.061	3.281.520.103
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		87.106.326	511.280.786
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.648.045.710	123.710.078.277
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		8.076.759.221	115.570.139.719
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		571.286.489	8.139.938.558
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	50	783
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	50	783

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Tâm

Lê Thị Thương

Chu Thanh Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.839.008.097	127.502.879.166
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		44.887.927.695	8.610.779.367
- Các khoản dự phòng	03	VI.5; 7	1.231.111.241	(84.289.601)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4; 5	1.002.628.929	138.720.107
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.657.176.791)	(121.177.167.298)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	4.570.822.872	420.862.223
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		53.874.322.043	15.411.783.964
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(281.881.743.625)	(64.264.324.919)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.024.723.765)	(186.199.284)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(32.905.853.095)	40.409.307.082
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.108.434.923	(434.903.750)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		183.656.162.121	(53.224.088.327)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.537.902.267)	(431.847.282)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.18	(8.421.056.614)	(3.847.604.659)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		275.760.000	2.500.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(437.171.693)	(394.135.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(96.293.771.972)	(66.959.512.375)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.138.275.229)	(2.254.929.792)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	3.179.200.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(210.460.000.000)	(83.705.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		124.470.000.000	491.503.742.500
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(185.912.851.600)	(417.571.645.259)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	73.075.250.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.875.078.678	1.043.666.456
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(272.166.048.151)	65.270.283.905

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.23	491.765.210.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	211.634.590.781	91.016.339.500
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(212.562.780.798)	(85.686.737.401)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		490.837.019.983	5.329.602.099
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		122.377.199.860	3.640.373.629
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	20.443.274.413	17.626.261.994
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		80.489.253	7.190.700
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	142.900.963.526	21.273.826.323

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Tâm

Lê Thị Thương

Chú Thanh Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Bán nông sản (Gạo, tinh bột sắn,...) và cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 06 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Nhóm Công ty

Góp vốn thêm vào công ty con

Cuối tháng 5 năm 2022, Nhóm Công ty góp thêm 160.037.500.000 VND, tương đương 16.003.750 cổ phần vào Công ty Cổ phần FIT Consumer, tăng tỷ lệ sở hữu tại công ty này từ 81,72% lên 83,73%. Mục đích của việc góp thêm cổ phần của Công ty Cổ phần FIT Consumer là để tăng tỷ lệ sở hữu.

Mua thêm vốn góp tại công ty con cấp 2

Từ ngày 25 tháng 5 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty đã mua thêm 2.085.510 cổ phần của Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (“VKD”), tăng tỷ lệ sở hữu tại công ty này từ 78,85% lên 95,53% từ ngày này, tỷ lệ lợi ích tăng từ 64,24% lên 79,78%. Giá mua thêm được thanh toán bằng tiền cho các cổ đông không kiểm soát, số tiền 185.912.851.600 VND. Chênh lệch giữa giá mua với giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm được xác định như sau:

	VND
Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của VKD (không bao gồm lợi thế thương mại) tại ngày mua	192.666.795.125
Giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm (13,93%) (a)	26.843.317.717
Giá mua (b)	185.912.851.600
Chênh lệch (b) – (a)	159.069.533.883
Trong đó:	
Ghi nhận vào “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” của Công ty mẹ	128.408.269.974
Ghi nhận vào “Lợi ích cổ đông không kiểm soát” của Công ty con cấp 1 trong VKD	30.661.263.909

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty con cấp 1

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây	KCN Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV4, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Chế biến, nhập xuất khẩu nông sản	95,87%	95,87%	95,87%	95,87%
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC (“TSS”) ⁽ⁱ⁾	1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Kinh doanh hạt giống	98,00%	98,00%	99,74%	99,74%
Công ty Cổ phần FIT Consumer ⁽ⁱⁱ⁾	1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Kinh doanh hàng tiêu dùng	83,51%	81,48%	83,73%	81,72%
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nông Tín	276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng	77,67%	77,67%	77,67%	77,67%

(i) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty mẹ sở hữu 10.950.000 cổ phiếu TSS, chiếm 57,63% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây (công ty con) sở hữu 8.000.000 cổ phiếu TSS, chiếm 42,11% vốn điều lệ. Tổng hợp lại, nhóm Công ty sở hữu 99,74% vốn điều lệ của TSS, tỷ lệ lợi ích (trực tiếp + gián tiếp) là 98%.

(ii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty mẹ sở hữu 106.353.750 cổ phiếu FIT Consumer, chiếm 72,84% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Hạt giống TSC (công ty con) sở hữu 15.889.000 cổ phiếu FIT Consumer (thông qua), chiếm 10,88% vốn điều lệ. Tổng hợp lại, nhóm Công ty sở hữu 83,73% vốn điều lệ của FIT Consumer, tỷ lệ lợi ích (trực tiếp + gián tiếp) là 83,51%.

Công ty con cấp 2

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	KCN Sông Hậu – Giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Chế biến nông sản	93,95%	93,95%	98,00%	98,00%
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa ^(iv)	Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất đồ uống không cồn và kinh doanh dịch vụ	79,78%	64,24%	95,53%	78,85%

(iii) Là công ty con của Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây

(iv) Là công ty con của Công ty Cổ phần FIT Consumer

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5c. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu là Công ty Cổ phần FIT Cosmetics (Công ty liên kết của Công ty Cổ phần FIT Consumer), có trụ sở chính tại 276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là nhập khẩu và phân phối hàng tiêu dùng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết của Nhóm Công ty tại công ty liên kết này là 49,00%, tỷ lệ lợi ích là 40,92%.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty có 1.113 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.103 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Nhóm Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Nhóm Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Nhóm Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Nhóm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức bằng tiền của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức bằng tiền của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Đối với cổ phiếu không niêm yết, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của Công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản hợp tác đầu tư có kỳ hạn, hưởng lãi suất cố định.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau: Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Nhóm Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ; chi phí cấp phép khai thác mỏ nước; chi phí dự án WestFood Hậu Giang. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước

Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước của Nhóm Công ty bao gồm:

- Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Đảnh Thạnh được Công ty đóng 02 năm một lần, chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 24 tháng.
- Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Suối Dầu chưa được phân bổ do chưa bắt đầu khai thác.

Chi phí Dự án Westfood Hậu Giang chưa hoạt động

Chi phí dự án Westfood Hậu Giang hiện đang được tập hợp chi phí và chưa được phân bổ do dự án chưa chính thức đi vào hoạt động.

Chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn hiệu lực của loại chi phí đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải truyền dẫn	04 - 20
Thiết bị dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	03 - 20

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà thuộc sở hữu của Nhóm Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Nhóm Công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Nhóm Công ty không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	387.286.642	230.818.193
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	142.513.676.884	20.212.456.220
Cộng	<u>142.900.963.526</u>	<u>20.443.274.413</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Nhóm Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu sàn UPCOM	6.125.000.000	1.060.237.500	(5.064.762.500)	6.125.000.000	1.185.887.500	(4.939.112.500)
Cổ phiếu chưa niêm yết	56.000.000.000	-	-	239.656.162.121	-	-
Cộng	<u>62.125.000.000</u>	<u>1.060.237.500</u>	<u>(5.064.762.500)</u>	<u>245.781.162.121</u>	<u>1.185.887.500</u>	<u>(4.939.112.500)</u>

Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết sàn UPCOM tại ngày 30/6/2022 là 1.060.237.500 VND (số đầu năm: 1.185.887.500 VND), được xác định theo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	4.939.112.500	5.323.500.000
Trích lập dự phòng bổ sung	125.650.000	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(157.500.000)
Số cuối kỳ	5.064.762.500	5.166.000.000

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư sau đây đều có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	402.706.000.000	316.716.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	42.000.000.000	12.000.000.000
Các khoản đầu tư khác ⁽ⁱ⁾	360.706.000.000	304.716.000.000
<i>Công ty Cổ phần Today Cosmetics</i>	28.910.000.000	25.410.000.000
<i>Công ty Cổ phần FIT Cosmetics</i>	7.600.000.000	35.090.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T</i>	69.280.000.000	69.280.000.000
<i>Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và thương mại F.I.T Việt Nam</i>	135.196.000.000	119.196.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phó Hiến Việt Nam</i>	26.560.000.000	54.920.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Tri Việt</i>	53.160.000.000	820.000.000
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư KVN Việt Nam</i>	40.000.000.000	-
Cộng	402.706.000.000	316.716.000.000

⁽ⁱ⁾ Các khoản hợp tác đầu tư với các Công ty theo các hợp đồng hợp tác có thời hạn từ 6 đến 12 tháng. Công ty sẽ nhận được lợi nhuận cố định từ 6,0-8,5%/365 ngày mà không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của đối tác.

2c. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc	383.137.080.000	383.137.080.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(63.425.846.110)	(59.431.098.736)
Cộng	319.711.233.890	323.705.981.264

Giá trị phần sở hữu của Nhóm Công ty tại công ty liên kết như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	323.705.981.264
Phân lãi hoặc lỗ	(3.994.747.374)
Số cuối kỳ	319.711.233.890

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)*Giao dịch với công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Nhóm Công ty với công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng của Công ty liên kết	23.615.962	169.799.700
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	8.600.000.000	17.900.000.000
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	355.019.178	342.952.053

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	68.332.211.250	-	92.012.211.250	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt	66.060.031.250	-	66.060.031.250	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng	-	-	23.680.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ngô Việt Nam	2.272.180.000	-	2.272.180.000	-
Cộng	68.332.211.250	-	92.012.211.250	-

Thông tin về các khoản đầu tư khác

- Nhóm Công ty sở hữu 2.945.000 cổ phiếu, chiếm 19,63% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt.
- Trong kỳ, Nhóm Công ty đã bán toán bộ 2.368.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng cho Bà Nguyễn Thị Hường, giá bán 35.520.000.000 VND, lãi 11.840.000.000 VND.
- Nhóm Công ty sở hữu 220.600 cổ phiếu, chiếm 4,42% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ngô Việt Nam.

Giá trị hợp lý

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Phải thu các bên liên quan	134.940.453		116.388.395	
Công ty cổ phần FIT Cosmetics	116.388.395		116.388.395	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	15.800.832		-	
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	2.751.226		-	
Phải thu khách hàng về thanh lý các khoản đầu tư (*)	404.856.046.389		269.736.946.389	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam	130.060.146.389		195.940.146.389	
Các khách hàng khác	274.795.900.000		73.796.800.000	
Phải thu khách hàng về các khoản khác	270.241.752.732		75.678.261.671	
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại SJ	87.719.450.400		-	
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư KVN Việt Nam	110.622.140.086		-	
Các khách hàng khác	71.900.162.246		75.678.261.671	
Cộng	675.232.739.574		345.531.596.455	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Đến thời điểm lập báo cáo tài chính, khách hàng đã thanh toán cho Nhóm Công ty tổng số tiền là 69.996.800.000 VND.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ Phần Công nghệ và Thương mại Việt	12.467.733.521	-
Công ty TNHH MTV Nông sản Tân Thái Phong	2.640.025.020	2.640.025.020
Công ty TNHH Hoàng Loan	1.777.799.211	1.777.799.211
Các nhà cung cấp khác	9.267.793.361	9.404.771.331
Cộng	<u>26.153.351.113</u>	<u>13.822.595.562</u>

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>19.276.326.069</i>	-	<i>15.735.891.420</i>	-
Công ty Cổ phần Today Cosmetics – Lợi nhuận hợp tác đầu tư	2.216.501.580	-	1.123.225.075	-
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics – Lợi nhuận hợp tác đầu tư	180.493.150	-	1.535.397.261	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T – Lợi nhuận hợp tác đầu tư	3.451.683.629	-	1.388.134.857	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam – Lợi nhuận hợp tác đầu tư	8.157.446.917	-	6.418.933.434	-
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics – Các khoản thu khác	5.270.200.793	-	5.270.200.793	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>15.430.107.324</i>	<i>(4.397.915.973)</i>	<i>13.610.986.196</i>	<i>(4.397.915.973)</i>
Lợi nhuận hợp tác đầu tư, lãi tiền gửi	2.816.461.254	-	1.169.282.190	-
Ký cược, ký quỹ	231.258.095	-	156.258.095	-
Tạm ứng	1.692.518.949	-	1.640.295.928	-
Ông Đỗ Văn Tâm	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7.189.869.026	(897.915.973)	7.145.149.983	(897.915.973)
Cộng	<u>34.706.433.393</u>	<u>(4.397.915.973)</u>	<u>29.346.877.616</u>	<u>(4.397.915.973)</u>

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu khách hàng	27.590.533.490	2.057.944.606	(25.532.588.884)	26.181.060.725	1.753.933.082	(24.427.127.643)
DNTN Trung Đông	3.520.000.000	-	(3.520.000.000)	3.520.000.000	-	(3.520.000.000)
Maxwill (Asia) Pte Ltd - Tiền bán hàng	3.508.884.959	-	(3.508.884.959)	3.508.884.959	-	(3.508.884.959)
Các khách hàng khác	20.561.648.531	2.057.944.606	(18.503.703.925)	19.152.175.766	1.753.933.082	(17.398.242.684)
Trả trước cho người bán	5.390.081.109	-	(5.390.081.109)	5.390.081.109	-	(5.390.081.109)
Công ty TNHH MTV Nông sản Tân Thái Phong	2.640.025.020	-	(2.640.025.020)	2.640.025.020	-	(2.640.025.020)
Các nhà cung cấp khác	2.750.056.089	-	(2.750.056.089)	2.750.056.089	-	(2.750.056.089)
Phải thu khác	4.397.915.973	-	(4.397.915.973)	4.397.915.973	-	(4.397.915.973)
Ông Đỗ Văn Tâm	3.500.000.000	-	(3.500.000.000)	3.500.000.000	-	(3.500.000.000)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	897.915.973	-	(897.915.973)	897.915.973	-	(897.915.973)
Cộng	37.378.530.572	2.057.944.606	(35.320.585.966)	35.969.057.807	1.753.933.082	(34.215.124.725)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	34.215.124.725	34.805.333.744
Trích lập dự phòng bổ sung	1.105.461.241	73.210.400
Tăng do hợp nhất Công ty con	-	2.442.487.682
Số cuối kỳ	35.320.585.966	37.321.031.826

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	46.340.493.123	(2.328.680.959)	42.468.776.909	(2.328.680.959)
Công cụ, dụng cụ	833.083.771	-	551.710.260	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.641.597.160	-	1.643.115.029	-
Thành phẩm	20.310.494.385	-	17.970.742.783	-
Hàng hóa	199.051.169	-	199.051.169	-
Cộng	69.324.719.608	(2.328.680.959)	62.833.396.150	(2.328.680.959)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.222.342.558	456.900.734
Chi phí chuyển giao công nghệ Nhà máy Thạch dừa	-	1.090.434.865
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	676.888.472	847.848.388
Cộng	<u>1.899.231.030</u>	<u>2.395.183.987</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	5.612.011.299	7.090.870.152
Chi phí Dự án Westfood Hậu Giang chưa hoạt động	10.016.295.525	9.294.706.263
Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Suối Dầu	4.162.387.000	3.850.312.000
Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Đánh Thạnh	6.241.500.000	5.851.406.250
Chi phí chuyển giao công nghệ Nhà máy Thạch dừa	954.130.507	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	913.223.785	1.706.201.464
Cộng	<u>27.899.548.116</u>	<u>27.793.496.129</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	110.187.835.233	193.436.747.502	16.880.271.230	4.577.346.460	97.409.646	325.179.610.071
Mua trong kỳ	3.042.575.641	2.523.512.500	259.000.000	249.048.120	-	6.074.136.261
Đầu tư XD CB hoàn thành	500.000.000	-	-	-	-	500.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(112.007.760)	-	(112.007.760)
Số cuối kỳ	113.730.410.874	195.960.260.002	17.139.271.230	4.714.386.820	97.409.646	331.641.738.572
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	26.468.111.481	62.344.708.055	6.669.211.136	1.448.014.555	97.409.646	97.027.454.873
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	82.959.280.743	134.949.639.994	12.015.515.787	2.818.853.672	97.409.646	232.840.699.842
Khấu hao trong kỳ	4.487.080.324	7.812.082.096	602.339.894	163.993.734	-	13.065.496.048
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(112.007.760)	-	(112.007.760)
Số cuối kỳ	87.446.361.067	142.761.722.090	12.617.855.681	2.870.839.646	97.409.646	245.794.188.130
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	27.228.554.490	58.487.107.508	4.864.755.443	1.758.492.788	-	92.338.910.229
Số cuối kỳ	26.284.049.807	53.198.537.912	4.521.415.549	1.843.547.174	-	85.847.550.442

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 31.524.534.270 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	72.525.132.327	1.581.643.083	74.106.775.410
Số cuối kỳ	72.525.132.327	1.581.643.083	74.106.775.410
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	8.890.343.645	790.821.540	9.681.165.185
Khấu hao trong kỳ	825.708.433	131.803.590	957.512.023
Số cuối kỳ	9.716.052.078	922.625.130	10.638.677.208
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	63.634.788.682	790.821.543	64.425.610.225
Số cuối kỳ	62.809.080.249	659.017.953	63.468.098.202

11. Bất động sản đầu tư

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhà</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	71.652.812.923	6.187.542.786	77.840.355.709
Số cuối kỳ	71.652.812.923	6.187.542.786	77.840.355.709
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	6.187.542.786	6.187.542.786
Số cuối kỳ	-	6.187.542.786	6.187.542.786
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	71.652.812.923	-	71.652.812.923
Số cuối kỳ	71.652.812.923	-	71.652.812.923

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Nhóm Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Nhà kho Cái Sơn Hàng Bàng	6.187.542.786	6.187.542.786	-
Đất Cái Sơn Hàng Bàng - Phường An Bình (1.614,2 m ²)	1.389.654.116	-	1.389.654.116
Đất nông nghiệp - Phường An Bình (3.841,5 m ²)	5.863.335.957	-	5.863.335.957
Đất trồng lúa tại Hậu Giang - 11 miếng (54.514 m ²)	2.850.822.850	-	2.850.822.850
Đất trồng cây lâu năm phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (3.691,9 m ²)	36.919.000.000	-	36.919.000.000
Đất trồng lúa tại phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (2.438,7 m ²)	24.630.000.000	-	24.630.000.000
Cộng	77.840.355.709	6.187.542.786	71.652.812.923

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án Trồng khóm Dứa tại Hậu Giang	9.695.664.815	10.052.984.654
Cộng	9.695.664.815	10.052.984.654

Là chi phí Dự án vườn ươm chồi khóm MD2 để phát triển vùng nguyên liệu khóm MD2 với giá trị đầu tư sẽ được thu hồi tương ứng với giá trị số lượng khóm bán ra cho người nông dân từ chính dự án này. Dự án được bắt đầu triển khai nghiên cứu và thử nghiệm từ năm 2015. Chi phí chủ yếu là giống khóm, tiền thuê đất, nhân công và khấu hao.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Số cuối kỳ
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	<i>506.830.896</i>	<i>1.094.657.124</i>	<i>(1.014.060.000)</i>	<i>587.428.020</i>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>11.334.523.781</i>	<i>500.000.000</i>	<i>(500.000.000)</i>	<i>11.334.523.781</i>
Đầu tư Nhà máy tại Hậu Giang ⁽ⁱ⁾	4.888.387.833	-	-	4.888.387.833
Mua đất tại phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ ⁽ⁱⁱ⁾	5.610.794.083	-	-	5.610.794.083
Các Dự án khác	835.341.865	500.000.000	(500.000.000)	835.341.865
Cộng	11.841.354.677	1.594.657.124	(1.514.060.000)	11.921.951.801

(i) Dự án Công trình nhà máy Westfood Hậu Giang theo Giấy chứng nhận đầu tư số 7133670465 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang ngày 21 tháng 10 năm 2015 mục đích để sản xuất các sản phẩm nông sản IQF và đóng lon, do Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang làm chủ đầu tư với tổng vốn đầu tư 438.000.000.000 VND. Chi phí phát sinh gồm: san lấp mặt bằng, thiết kế dự án, lương ban quản lý dự án,... Dự án hiện tại đang tạm ngừng đầu tư do chưa đủ vùng nguyên liệu trồng khóm để sản xuất. Theo kế hoạch của Nhóm Công ty, dự án sẽ được tiếp tục được thực vào thời điểm cuối năm 2022.

(ii) Chi phí Công ty bỏ ra để có được quyền sở hữu và sử dụng lô đất tại phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ đã phát sinh từ các năm 2009 đến 2012. Hiện Công ty vẫn đang tiếp tục xử lý để hoàn tất thủ tục sang tên quyền sử dụng đất.

14. Thuế thu nhập hoãn lại

14a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	279.990.262	287.898.756
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(3.954.247)	(3.954.247)
Số cuối kỳ	276.036.015	283.944.509

14b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	4.217.310.454	7.705.259.765
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	83.152.078	3.515.632.217
Số cuối kỳ	4.300.462.532	11.220.891.982

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**15. Lợi thế thương mại**

	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây	Công ty Cổ phần Giồng Cây trồng Nông Tín	Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (*)	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	4.723.270.846	12.864.385.324	620.990.283.326	638.577.939.496
Số cuối kỳ	4.723.270.846	12.864.385.324	620.990.283.326	638.577.939.496
Số đã phân bổ				
Số đầu năm	4.723.270.846	8.361.850.460	31.049.514.166	44.134.635.472
Phân bổ trong kỳ	-	643.219.266	31.049.514.166	31.692.733.432
Số cuối kỳ	4.723.270.846	9.005.069.726	62.099.028.332	75.827.368.904
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	4.502.534.864	589.940.769.160	594.443.304.024
Số cuối kỳ	-	3.859.315.598	558.891.254.994	562.750.570.592

(*) Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (mã UPCOM: VKD): Tại ngày 30/6/2022, VKD có giá trị tài sản thuần là 192.666.795.125 VND. VKD đã hủy tư cách công ty đại chúng từ ngày 13/5/2022 theo Công văn số 5318/UBCK-GSĐC của Ủy ban CKNN ngày 12/8/2022.

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	971.222.872	1.353.112.425
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	971.222.872	1.353.112.425
Phải trả các nhà cung cấp khác	41.863.576.103	59.127.725.424
Lao TTL Agriculture And Industrial Development Sole Co., Ltd	7.347.228.500	7.205.996.000
Ông Trần Văn Phương	-	29.434.950.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà máy Nhựa số 2	9.466.664.231	1.994.117.510
Các nhà cung cấp khác	25.049.683.372	20.492.661.914
Cộng	42.834.798.975	60.480.837.849

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác	7.461.915.681	3.956.153.204
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Lan Lạc	3.097.464.084	14.451.369
Mercer Foods	1.248.112.800	-
Các khách hàng khác	3.116.338.797	3.941.701.835
Cộng	7.461.915.681	3.956.153.204

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.077.293.291	3.959.940.729	4.348.941.270	688.292.750
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4.683.678	4.683.678	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	24.033.520	24.033.520	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp ⁽ⁱ⁾	7.921.056.614	11.103.856.061	8.421.056.614	10.603.856.061
Thuế thu nhập cá nhân	144.982.076	762.048.285	839.156.239	67.874.122
Thuế tài nguyên	167.466.700	1.126.125.300	1.049.573.600	244.018.400
Thuế nhà đất, tiền thuê đất ⁽ⁱⁱ⁾	-	412.603.588	208.161.950	204.441.638
Lệ phí môn bài	-	25.000.000	25.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	16.779.892	108.538.985	102.902.877	22.416.000
Cộng	9.327.578.573	17.526.830.146	15.023.509.748	11.830.898.971

Thuế phải thu

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.169.064	-	-	6.169.064
Thuế thu nhập cá nhân	-	(68.917.283)	4.071.013	72.988.296
Cộng	6.169.064	(68.917.283)	4.071.013	79.157.360

(i) (ii) Theo nghị định số 34/2022/NĐ-CP về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất trong năm 2022, thuế TNDN tạm tính Quý 1 – hạn nộp 30/07/2022; Quý 2 – hạn nộp 31/10/2022; Tiền thuê đất được gia hạn đến ngày 30/11/2022.

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Bán nguyên liệu thức ăn chăn nuôi	Không chịu thuế
- Bán thương mại nông sản cho doanh nghiệp khác	Không phải kê khai tính nộp thuế
- Dịch vụ	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Xuất khẩu miền Tây được hưởng thuế suất 15% cho hoạt động chế biến nông sản.

Các hoạt động khác tại các Công ty trong Nhóm Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự trả chi phí lãi vay	-	1.812.020.002
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt – Lợi nhuận hợp tác đầu tư	1.104.110	-
Chi phí hỗ trợ bán hàng, khuyến mại, thuê cửa hàng	6.223.250.244	2.623.533.060
Chi phí vận chuyển	3.883.648.333	2.353.376.807
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	7.143.892.275	3.012.778.052
Cộng	<u>17.251.894.962</u>	<u>9.801.707.921</u>

20. Phải trả khác

20a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	860.040.607	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T - Lãi vay phải trả	844.940.607	-
Công ty Cổ Phần FIT Cosmetics	15.100.000	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	12.500.178.347	12.270.715.534
Kinh phí công đoàn	713.278.533	1.256.821.939
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.328.629.731	650.863.824
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại TĐN Việt Nam ⁽ⁱ⁾	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt - Hợp tác đầu tư	50.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.408.270.083	1.363.029.771
Cộng	<u>13.360.218.954</u>	<u>12.270.715.534</u>

(i) Là khoản tiền nhận được từ Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại TĐN Việt Nam (giá trị theo hợp đồng là 9.000.000.000 VND) theo hợp đồng Hợp tác đầu tư số 01/HTĐT/2018 ngày 09/5/2018 giữa Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (“VKD”) và Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại TĐN Việt Nam về việc hợp tác đầu tư thực hiện dự án chung cư F.I.T Tower Nha Trang trên lô đất tại số 28 đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Lô đất này là lô đất VKD được Nhà nước cho thuê dài hạn (trả tiền hàng năm) theo hợp đồng thuê đất số 33/2002/HĐ-TH ngày 16/9/2012 với thời hạn thuê 20 năm cho mục đích xây dựng cửa hàng bán nước khoáng. Theo quyết định số 3167/QĐ-UBND ngày 24/10/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã phê duyệt chủ trương thay đổi mục đích sử dụng đất của VKD thành xây dựng chung cư F.I.T Tower Nha Trang. Đồng thời, theo nội dung của quyết định này, VKD có trách nhiệm khởi công xây dựng trước ngày 31/10/2018 và hoàn thành công trình đưa vào sử dụng trong 12 tháng kể từ ngày khởi công. Trường hợp VKD không đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sẽ thu hồi dự án, toàn bộ chi phí đầu tư vào dự án sẽ không được bồi thường.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, sau khi ký hợp đồng hợp tác đầu tư, hai bên vẫn tiếp tục làm việc với cơ quan có thẩm quyền để xin cấp giấy phép đầu tư mới và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho dự án. Do cả hai bên vẫn chưa hoàn tất các nghĩa vụ theo hợp đồng nên các chi phí liên quan đến dự án này vẫn được VKD phản ánh trên chỉ tiêu “chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” và “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” với số tiền lần lượt là 1.636.363.636 VND và 61.609.091 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**20b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược	10.331.412.544	10.320.552.544
Cộng	<u>10.331.412.544</u>	<u>10.320.552.544</u>

21. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	80.170.720.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T ⁽ⁱ⁾	80.170.720.000	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	78.975.244.506	59.276.133.063
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱ⁾	44.385.474.000	16.321.332.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	15.113.904.247	19.966.290.597
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Diên Khánh ^(iv)	19.475.866.259	15.998.285.345
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	-	6.990.225.121
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	100.000.000.000
Cộng	<u>159.145.964.506</u>	<u>159.276.133.063</u>

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T (Công ty mẹ) theo hợp đồng ngày 27 tháng 4 năm 2022 để mua bán, đầu tư trên thị trường nông sản, thực phẩm chế biến xuất khẩu và chi trả hoạt động thường xuyên với lãi suất 6%/năm, thời hạn vay 03 tháng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ tại Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Xuất khẩu miền Tây theo hợp đồng hạn mức cho vay năm 2022 là 50.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên Giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp lý, hợp lệ, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ, lãi suất kỳ này từ 1,7%-2,4%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng Tài sản cố định của Công ty.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa tại Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa theo hợp đồng cho vay hạn mức ngày 16 tháng 5 năm 2022 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên. Hạn mức vay 25.000.000.000 VND. Thời hạn giải ngân hạn mức vay là 12 tháng (từ ngày 16/5/2022 đến ngày 16/5/2023), thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ là 89 ngày. Lãi suất tiền vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất kỳ này từ 5,2%-5,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (iv) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Diên Khánh tại Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa theo hợp đồng cho vay hạn mức ngày 26 tháng 5 năm 2022 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh nước khoáng. Hạn mức vay 25.000.000.000 VND. Thời hạn giải ngân hạn mức vay là 12 tháng (từ ngày 26/5/2022 đến ngày 26/5/2023), thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ là 05 tháng. Lãi suất tiền vay được xác định trong từng giấy nhận nợ, lãi suất kỳ này từ 4,75%-6,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay bên liên quan	-	80.170.720.000	-	80.170.720.000
Vay ngân hàng	59.276.133.063	132.261.892.241	(112.562.780.798)	78.975.244.506
Vay các tổ chức khác	100.000.000.000	-	(100.000.000.000)	-
Cộng	159.276.133.063	212.432.612.241	(212.562.780.798)	159.145.964.506

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ phúc lợi	4.470.649.223	916.367.275	2.500.000	(374.174.863)	5.015.341.635
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	342.337	-	-	-	342.337
Cộng	4.470.991.560	916.367.275	2.500.000	(374.174.863)	5.015.683.972

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	1.476.480.840.000	37.132.054.106	7.531.898.841	127.728.500	70.135.549.561	243.680.243.544	1.835.088.314.552
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	115.570.139.719	8.139.938.558	123.710.078.277
Trích quỹ KTPL tại WFC	-	-	-	-	(707.888.187)	(24.498.026)	(732.386.213)
Tặng do hợp nhất kinh doanh WFC	-	-	-	-	1.372.580	47.494	1.420.074
Tặng do hợp nhất kinh doanh VKD	-	-	-	-	12.033.222.714	31.074.319.951	43.107.542.665
Số dư cuối kỳ trước	1.476.480.840.000	37.132.054.106	7.531.898.841	127.728.500	197.032.396.387	282.870.051.521	2.001.174.969.355
Số dư đầu năm nay	1.476.480.840.000	37.132.054.106	7.138.040.571	127.728.500	191.549.440.990	302.172.557.124	2.014.600.661.291
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền ⁽ⁱ⁾	492.108.410.000	(343.200.000)	-	-	-	-	491.765.210.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	8.076.759.221	571.286.489	8.648.045.710
Trích quỹ KTPL ở Công ty con	-	-	-	-	(878.489.870)	(37.877.405)	(916.367.275)
Tặng tỷ lệ sở hữu do góp thêm vốn vào FC	-	-	-	-	(1.380.481.335)	1.380.481.335	-
Mua lại cổ phần của NCI tại VKD	-	-	-	-	(128.408.269.974)	(57.504.581.626)	(185.912.851.600)
Số dư cuối kỳ này	1.968.589.250.000	36.788.854.106	7.138.040.571	127.728.500	68.958.959.032	246.581.865.917	2.328.184.698.126

(i) Ngày 12 tháng 5 năm 2022, Công ty đã có Báo cáo gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, Công ty đã chào bán thành công 49.210.841 cổ phiếu với tổng số tiền thu được là 492.108.410.000 VND, chi phí chào bán 343.200.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**23b. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	196.858.925	147.648.084
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	196.858.925	147.648.084
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	196.858.925	147.648.084

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ
Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	931.873,02	277.028,49
Euro (EUR)	7.331,50	520,42

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	278.132.025.046	89.721.052.250
Doanh thu bán thành phẩm	309.268.891.502	153.686.764.609
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	-	10.965.140.000
Cộng	<u>587.400.916.548</u>	<u>254.372.956.859</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ (bán thành phẩm) cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	15.158.280	1.914.220.006
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	21.811.200	13.089.600

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	4.800.219.867	162.175.598
Hàng bán bị trả lại	1.154.356.358	135.398.378
Giảm giá hàng bán	1.684.066.816	-
Cộng	<u>7.638.643.041</u>	<u>297.573.976</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Giá vốn hàng bán**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa	277.362.657.089	85.279.566.306
Giá vốn bán thành phẩm	214.630.835.500	118.264.837.773
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	10.892.559.313
Cộng	491.993.492.589	214.436.963.392

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	360.895.532	152.726.177
Lãi đầu tư trái phiếu	-	129.848.888.889
Cổ tức, lợi nhuận được chia	84.837.098	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.278.283.219	1.408.353.237
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	27.552	-
Lãi do hợp nhất kinh doanh	-	84.480.035.685
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	32.585.937.879	5.499.310.081
Lãi thanh lý các khoản đầu tư khác	11.840.000.000	-
Lãi hợp tác đầu tư	9.350.230.142	3.267.246.000
Cộng	55.500.211.422	224.656.560.069

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.570.822.872	420.862.223
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	379.350.002	488.858.263
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.002.656.481	-
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	100.100.111.673
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	125.650.000	(157.500.001)
Chi phí hợp tác đầu tư	1.104.110	511.510.136
Chi phí tài chính khác	-	540.689.925
Cộng	6.079.583.465	101.904.532.219

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	25.618.739.408	2.007.883.810
Chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ đồ dùng	107.697.139	13.491.506
Chi phí khấu hao tài sản cố định	66.174.534	4.985.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.229.458.897	11.714.282.917
Các chi phí khác	11.715.275.264	2.646.570.556
Cộng	62.737.345.242	16.387.214.729

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.241.026.466	4.095.000.184
Chi phí vật liệu quản lý	145.353.507	96.451.621
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.133.681.677	667.292.771
Thuế, phí và lệ phí	279.927.988	241.632.912
Dự phòng phải thu khó đòi	1.105.461.241	73.210.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.705.570.814	1.388.161.951
Phân bổ lợi thế thương mại	31.692.733.432	643.219.266
Các chi phí khác	6.049.590.843	2.519.803.425
Cộng	51.353.345.968	9.724.772.530

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	30.000.000	35.000.000
Thu thanh lý, nhượng bán phế liệu	798.380.287	-
Tiền bồi thường	3.600.000	64.552.132
Thu nhập khác	118.789.433	24.541.441
Cộng	950.769.720	124.093.573

9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý phế liệu	37.171.190	-
Phạt do vi phạm hợp đồng	2.953.614	-
Thuế, bảo hiểm bị phạt, bị truy thu	106.231.166	9.069.986
Chi phí khác	69.375.944	255
Cộng	215.731.914	9.070.241

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	8.076.759.221	115.570.139.719
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.076.759.221	115.570.139.719
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	161.514.122	147.648.084
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	50	783

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	147.648.084	147.648.084
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 12 tháng 5 Năm 2022	13.866.038	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	161.514.122	147.648.084

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	137.451.737.486	77.688.908.166
Chi phí nhân công	73.797.226.074	34.216.075.384
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.195.194.263	7.967.560.102
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.776.642.513	23.228.429.008
Chi phí dự phòng	1.105.461.241	73.210.400
Chi phí khác	24.241.218.044	11.563.206.805
Cộng	292.567.479.621	154.737.389.865

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Kỳ này				
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Chủ tịch HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Bà Bùi Thanh Hương	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Hoài	Thành viên HĐQT	-	1.700.000	1.700.000
Ông Nguyễn Trọng Thanh	Thành viên HĐQT (từ 14/6/2022)	-	1.700.000	1.700.000
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên HĐQT (từ 14/6/2022)	-	1.700.000	1.700.000
Ông Phan Minh Sáng	Thành viên HĐQT (đến 14/6/2022)	-	16.300.000	16.300.000
Bà Trương Thị Thu Hạnh	Thành viên HĐQT (đến 14/6/2022)	-	16.300.000	16.300.000
Ông Đỗ Thế Cao	Thành viên HĐQT (đến 14/6/2022)	-	16.300.000	16.300.000
Ông Chu Thanh Quân	Tổng Giám đốc	60.000.000	-	60.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS	-	12.000.000	12.000.000
Ông Phạm Ngọc Hùng	Thành viên BKS (từ 14/6/2022)	18.000.000	850.000	18.850.000
Bà Phạm Thị Thương	Thành viên BKS (từ 14/6/2022)	-	850.000	850.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS (đến 14/6/2022)	-	8.150.000	8.150.000
Bà Trần Thị Minh Phương	Thành viên BKS (đến 14/6/2022)	-	8.150.000	8.150.000
Bà Lê Thị Thương	Kế toán trưởng (từ 26/5/2022)	14.250.000	-	14.250.000
Bà Nguyễn Thị Trang	Kế toán trưởng (đến 26/5/2022)	34.238.329	-	34.238.329
Cộng		126.488.329	126.000.000	252.488.329
Kỳ trước				
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Chủ tịch HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Bà Bùi Thanh Hương	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Phan Minh Sáng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	337.340.446	18.000.000	355.340.446
Bà Trương Thị Thu Hạnh	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Đỗ Thế Cao	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS (từ 26/4/2021)	-	4.266.667	4.266.667
Bà Ninh Thị Phương	Trưởng BKS (đến 26/4/2021)	-	7.733.333	7.733.333
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS	-	9.000.000	9.000.000
Bà Trần Thị Minh Phương	Thành viên BKS	-	9.000.000	9.000.000
Bà Nguyễn Thị Trang	Kế toán trưởng	144.610.560	-	144.610.560
Cộng		481.951.006	126.000.000	607.951.006

Thu nhập trên là thu nhập tại Công ty mẹ, không bao gồm thu nhập (nếu có) tại các Công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Dũng Tâm	Công ty có liên quan tới thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Mũi Dinh Ecopark	Công ty có liên quan tới thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Công nghệ Liên kết Truyền thông	Công ty có liên quan tới thành viên HĐQT
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Xanh Goda	Công ty có liên quan tới thành viên HĐQT
Công ty TNHH Thương Mại Thăng Long Hà Nội	Công ty có liên quan tới thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	Công ty có liên quan tới thành viên BKS
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC - Sài Gòn	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	Cùng chung Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		
Chi phí tư vấn, thuê văn phòng, gửi xe, điện nước	2.319.786.724	2.075.441.083
Vay ngắn hạn	80.170.720.000	-
Lãi vay phải trả	844.940.607	-
Công ty Cổ phần Today Cosmetics		
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	3.500.000.000	3.335.000.000
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	1.093.276.505	211.755.343
Công ty Cổ phần Fit Cosmetics		
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	8.600.000.000	17.900.000.000
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	355.019.178	342.952.053
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T		
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	-	28.150.000.000
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	2.052.391.238	1.281.233.839
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam		
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	16.000.000.000	-
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	3.300.513.483	2.897.029.563

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.16, V.20 và V.21.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Nhóm Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại (bán nông sản)
- Lĩnh vực sản xuất (chế biến nông sản, sản xuất đồ uống không cồn)
- Lĩnh vực đầu tư tài chính (gồm: kinh doanh chứng khoán, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiền gửi có kỳ hạn và hợp tác đầu tư) và đầu tư góp vốn dài hạn vào đơn vị khác).

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	278.132.025.046	301.630.248.461		579.762.273.507
Doanh thu tài chính			55.500.211.422	55.500.211.422
Tổng doanh thu bộ phận	278.132.025.046	301.630.248.461	55.500.211.422	635.262.484.929
Giá vốn hàng bán	(277.362.657.089)	(214.630.835.500)		(491.993.492.589)
Chi phí tài chính			(6.079.583.465)	(6.079.583.465)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	769.367.957	86.999.412.961	49.420.627.957	137.189.408.875
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(114.090.691.210)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				23.098.717.665
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				(3.994.747.374)
Thu nhập khác				950.769.720
Chi phí khác				(215.731.914)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(11.103.856.061)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(87.106.326)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				8.648.045.710
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				5.138.275.229
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				13.195.194.263
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	100.686.192.250	153.389.190.633		254.075.382.883
Doanh thu đầu tư tài chính			224.656.560.069	224.656.560.069
Tổng doanh thu bộ phận	100.686.192.250	153.389.190.633	224.656.560.069	478.731.942.952

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Cộng
Giá vốn bộ phận	(96.172.125.619)	(118.264.837.773)		(214.436.963.392)
Chi phí đầu tư tài chính			(101.904.532.219)	(101.904.532.219)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>4.514.066.631</u>	<u>35.124.352.860</u>	<u>122.752.027.850</u>	<u>162.390.447.341</u>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				<u>(26.111.987.259)</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				136.278.460.082
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				(8.890.604.248)
Thu nhập khác				124.093.573
Chi phí khác				(9.070.241)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(3.281.520.103)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				<u>(511.280.786)</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				<u>123.710.078.277</u>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				<u>2.254.929.792</u>
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				<u>7.967.560.101</u>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>198.341.590.486</u>	<u>885.264.471.658</u>	<u>847.809.682.640</u>	<u>1.931.415.744.784</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>684.837.869.507</u>
Tổng tài sản				<u>2.616.253.614.291</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>7.551.292.595</u>	<u>177.267.155.333</u>	-	<u>184.818.447.928</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>103.250.468.237</u>
Tổng nợ phải trả				<u>288.068.916.165</u>
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>149.475.061.671</u>	<u>860.385.236.052</u>	<u>973.276.242.135</u>	<u>1.983.136.539.858</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>320.345.400.710</u>
Tổng tài sản				<u>2.303.481.940.568</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>7.410.060.095</u>	<u>163.903.934.915</u>	-	<u>171.313.995.010</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>117.567.284.267</u>
Tổng nợ phải trả				<u>288.881.279.277</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Nhóm Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Tâm

Kế toán trưởng



Lê Thị Thương

Tổng Giám đốc



Chu Thanh Quân

